

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách của nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/11/2020 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021; Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI - kỳ họp thứ Mười sáu về thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 215/TTr-SKHĐT ngày 15/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý; các chủ đầu tư để triển khai thực hiện. Cụ thể:

- | | |
|---|-------------------------|
| (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP): | 8,0%. |
| + Ngành nông lâm nghiệp - thủy sản tăng | 5,59%. |
| + Ngành công nghiệp - xây dựng tăng | 9,92%. |
| + Ngành dịch vụ tăng | 8,56%. |
| + Thuế sản phẩm tăng | 8,4%. |
| (2) Cơ cấu kinh tế | |
| + Ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản: | 35,08%. |
| + Ngành công nghiệp - Xây dựng: | 27,97% |
| + Ngành dịch vụ: | 33,79%. |
| + Thuế sản phẩm tăng | 3,16%. |
| (3) GRDP bình quân đầu người: | 55,99 triệu đồng/người. |

- (4) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã (lũy kế 107 xã).
- + Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 2 huyện.
- (5) Kim ngạch xuất khẩu: 610 triệu USD.
- (6) Kim ngạch nhập khẩu: 95 triệu USD.
- (7) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 5.047 tỷ đồng.
- (8) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 70.000 tỷ đồng trở lên.
- (9) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ: 84.000 tỷ đồng.
- (10) Tỷ lệ đô thị hóa: 31%.
- (11) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,15%.
- (12) Số lao động được tạo việc làm mới: 26.000 người.
- (13) Tỷ lệ lao động được đào tạo: 57%.
- (14) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020): 3%.
- + Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 1,5%.
- + Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số: 2,4%
- + Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo huyện Kông Chro: 3%
- (15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 54% trở lên.
- + Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 90,5%.
- + Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở: 92,6%.
- (16) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 90%.
- + Số giường bệnh/vạn dân: 27,5 giường.
- + Số bác sỹ/vạn dân: 8,2 bác sỹ.
- (17) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 91,5%.
- (18) Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su): 47%.
- + Diện tích trồng rừng trong năm: 8.000 ha trở lên.
- (19) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 97,3%.
- (20) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: 70%.
- (21) Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị: 95,3%.


Điều 2.

1. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch này, giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; giám đốc các doanh nghiệp tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 đã được giao.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu hướng dẫn để cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố; giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý; các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (báo cáo);
- T/T Tỉnh ủy (báo cáo);
- T/T HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh ;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh ;
- Website tỉnh ;
- Lưu VT, CV các khối, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2021

(UBND tỉnh ban hành theo quyết định số ~~102~~⁷⁰²/QĐ-UBND ngày ~~17~~¹⁰ tháng 12 năm 2020)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021
I	Các chỉ tiêu kinh tế		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,00
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5,59
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	9,92
	+ Dịch vụ	%	8,56
	+ Thuế sản phẩm	%	8,40
2	Cơ cấu tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành)		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	35,08
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	27,97
	- Dịch vụ	%	33,79
	- Thuế sản phẩm	%	3,16
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	55,99
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	19
	- Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	107
	- Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	2
5	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	84.000
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	610
7	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	95
8	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.047,0
9	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	≥ 70.000
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31
II	Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội		
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,15
2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	26.000